

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

---oOo---

TIỂU LUẬN GIỮA KỲ

Môn học: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Học kỳ I (2019 - 2020)

**VẬT CHẤT - Ý THỨC, MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA VẬT CHẤT
VÀ Ý THỨC. VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ NÀY TRONG CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC.**

Sinh viên: Huỳnh Tấn Thọ

MSSV: 19120383

Lớp: 19CTT2

Trường: Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh

Giảng viên: Trần Hoàng Hào

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

---oOo---

TIỂU LUẬN GIỮA KỲ

Môn học: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Học kỳ I (2019 - 2020)

**VẬT CHẤT - Ý THỨC, MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA VẬT CHẤT
VÀ Ý THỨC. VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ NÀY TRONG CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC.**

Sinh viên: Huỳnh Tấn Thọ

MSSV: 19120383

Lớp: 19CTT2

Trường: Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh

Giảng viên: Trần Hoàng Hào

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

---oOo---

TIỂU LUẬN GIỮA KỲ

Môn học: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Học kỳ I (2019 - 2020)

**VẬT CHẤT - Ý THỨC, MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA VẬT CHẤT
VÀ Ý THỨC. VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ NÀY TRONG CÔNG CUỘC
ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC.**

Sinh viên: Huỳnh Tấn Thọ

MSSV: 19120383

Lớp: 19CTT2

Trường: Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh

Giảng viên: Trần Hoàng Hảo

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	5
1. Lý luận chung về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức	6
1.1. Vật chất.....	6
1.1.1. Định nghĩa vật chất.....	6
1.1.2. Các đặc tính của vật chất	7
1.2. Ý thức	9
1.2.1. Định nghĩa ý thức	9
1.2.2. Kết cấu của ý thức	9
1.2.3. Nguồn gốc của ý thức	10
1.2.4. Bản chất của ý thức	11
1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	12
1.3.1. Vật chất quyết định ý thức.....	12
1.3.2. Ý thức tác động đến vật chất	13
2. Vận dụng mối quan hệ trong công cuộc đổi mới đất nước	15
2.1. Vận dụng vào mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị.....	15
2.2. Vận dụng vào việc xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta hiện nay	17
KẾT LUẬN	22
TÀI LIỆU THAM KHẢO	23

MỞ ĐẦU

Tiến lên chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cách mạng lớn lao nhất và quan trọng nhất của Đảng và nhân dân ta hiện nay vì chỉ có thực hiện được mục tiêu này, chúng ta mới có thể xây dựng được một nước Việt Nam mà theo cách nói của Hồ Chí Minh là: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh”. Và cũng chỉ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chúng ta mới có thể làm thoả mãn ham muốn tốt cùng, ham muốn cuối đời của Người đó là: “Làm sao cho dân ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành...”. Vậy chúng ta phải làm thế nào để thực hiện mục tiêu trên? Từ thực tế hiện nay cùng với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản, mà tại đại hội VII của Đảng ta lần đầu tiên đã khẳng định: Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng. Tức là, chúng ta phải: dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác – Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế chúng ta mới có thể dần dần tìm hiểu được quy luật phát triển của Cách mạng Việt Nam, định ra được đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của Cách mạng xã hội chủ nghĩa phù hợp với tình hình nước ta.

Làm đề tài tiểu luận này, với tư cách là một sinh viên, một công dân của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, em muốn cùng mọi người tìm hiểu sâu hơn và kĩ hơn về Triết học Mác – Lênin phản chủ nghĩa duy vật biện chứng. Cụ thể hơn, đó là mối quan hệ biện chứng giữa vật chất với ý thức. Ngoài ra, bản thân em cũng muốn góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào sự nghiệp cách mạng lớn lao của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay - sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội - mà nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là, mọi sách lược, chiến lược cách mạng của chúng ta phải được xuất phát từ thực tế khách quan, phát huy được tính năng động chủ quan và đồng thời chống chủ quan duy ý chí. Đây được coi là một vấn đề hết sức quan trọng, bởi nó quyết định sự thành công hay thất bại trên con đường đi tới chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điều này sẽ được lý giải rõ hơn trong phần nội dung của đề tài.

1. Lý luận chung về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức

Đây là vấn đề cơ bản, cốt lõi để phân biệt các trường phái trong triết học. Trong mối quan hệ ấy, triết học Mác – Lênin khẳng định: Ý thức do vật chất sinh ra và quyết định, song sau khi ra đời, ý thức có tính độc lập tương đối nên có sự tác động trở lại to lớn đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiễn con người.

1.1. Vật chất

1.1.1. Định nghĩa vật chất

Vật chất là phạm trù rất phức tạp và có rất nhiều quan niệm khác nhau về vật chất đứng trên các giác độ khác nhau. Vật chất là phạm trù triết học đã có lịch sử phát triển trên 2500 năm. Ngay từ thời cổ đại, xung quanh phạm trù vật chất đã diễn ra cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Trước khi chủ nghĩa duy vật biện chứng ra đời, nhìn chung các nhà triết học duy vật quan niệm vật chất là một hay một số chất tự có, đầu tiên, là cơ sở sản sinh ra toàn bộ thế giới. Từ thời cổ đại trong lý thuyết Ngũ hành của triết học Trung Quốc đã quan niệm kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là những tổ chất vật chất đầu tiên của thế giới; phái Sàmkhya của Ấn Độ lại quan niệm vật chất đầu tiên, cơ sở sinh thành nên thế giới là Prākṛiti hay Pradhana. Hy Lạp, phái Mile cho rằng cơ sở vật chất đầu tiên của thế giới là nước; Hêraclit lại quan niệm đó là lửa; còn Đêmocrit thì khẳng định đó là nguyên tử,...

Theo Lênin định nghĩa: “Vật chất là phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.”

Lênin chỉ rõ rằng, để định nghĩa vật chất, không thể làm theo cách thông thường là quy một khái niệm cần định nghĩa sang một khái niệm khác rộng hơn vì khái niệm vật chất là một khái niệm rộng nhất. Để định nghĩa vật chất, Lênin đó đối lập vật chất với ý thức, hiểu vật chất là thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, vật chất tồn tại độc lập đối với cảm giác, với ý thức, còn cảm giác, ý thức phụ thuộc vào vật chất, phản ánh vật chất.

Thứ nhất, khi định nghĩa: “Vật chất là một phạm trù triết học”, Lênin một mặt muốn chỉ rõ vật chất là một khái niệm rộng nhất, rộng vô hạn, muốn phân biệt vật chất với tư cách là một phạm trù triết học, là kết quả của sự khái quát và trừu tượng, với những dạng vật chất cụ thể, với những "hạt nhỏ" cảm tính. Vật chất với tư cách là phạm trù triết học không có những đặc tính cụ thể có thể cảm thụ được. Định nghĩa vật chất như vậy khắc phục được những quan niệm siêu hình của chủ nghĩa duy vật cũ, đồng nhất vật chất với hình thức biểu hiện cụ thể của nó. Qua đó, ta phân biệt được khái niệm “vật chất” với tư cách là phạm trù triết học (tức phạm trù khái quát thuộc tính cơ bản nhất, phổ biến nhất của mọi tồn tại vật chất và được xác định từ góc độ giải quyết vấn đề cơ bản của triết học) với khái niệm “vật chất” được sử dụng trong các khoa học chuyên ngành (tức khái niệm dùng để chỉ những dạng vật chất cụ thể cảm tính, những biểu hiện cụ thể của thế giới vật chất tự nhiên hay xã hội).

Thứ hai, Lênin đã cho rằng bản chất vốn nó cú tự cú, khụng do ai sinh ra, không thể tiêu diệt được, nó tồn tại bên ngoài và không lệ thuộc vào cảm giác, ý thức con người, vật chất là một thực tại khách quan, khác với quan niệm: “Ý niệm tuyệt đối”. của chủ nghĩa duy tâm khách quan “Thượng đế” của tôn giáo. “Vật tự nó không thể nắm được” của thuyết không thể biết, vật chất không phải là lực lượng siêu tự nhiên tồn tại lơ lửng ở đâu đó. Trái lại phạm trù vật chất là kết quả của sự khái quát các sự vật, hiện tượng có thật, hiện thực, và do đó các đối tượng vật chất có thật, hiện thực đó có khả năng tác động vào giác quan để gây ra cảm giác và nhờ đó mà ta có thể biết được, nắm bắt được đối tượng này. Định nghĩa vật chất của Lênin đó khẳng định được câu trả lời của chủ nghĩa duy vật về cả hai mặt cơ bản của triết học, phân biệt về chủ nghĩa duy tâm chủ quan và chủ nghĩa duy tâm khách quan cũng như thuyết không thể biết. Thuộc tính cơ bản nhất, phổ biến nhất của mọi sự tồn tại vật chất được khái quát trong phạm trù vật chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng là thuộc tính tồn tại khách quan, tức là thuộc tính tồn tại ngoài ý thức, độc lập, không phụ thuộc vào nhận thức của con người, dù cho con người có nhận thức được nó hay không nhận thức được nó.

Thứ ba, Lênin cũn khẳng định, cảm giác chép lại chụp lại phản ánh vật chất, nhưng vật chất tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác. Khẳng định như vậy một mặt Lênin muốn nhất mạnh tính thứ nhất của vật chất, vai trò quyết định của nó với ý thức, và mặt khác khẳng định phương pháp và khả năng nhận thức thế giới khách quan của con người. Điều này không chỉ phân biệt chủ nghĩa duy vật, với chủ nghĩa duy tâm, với thuyết không thể biết mà còn phân biệt chủ nghĩa duy vật với nhị nguyên luận. Vật chất là cái có thể gây nên cảm giác của con người khi nó tác động đến các giác quan của con người một cách trực tiếp hay gián tiếp. Ý thức của con người là sự phản ánh đối với vật chất, còn vật chất là cái được ý thức phản ánh.

Như vậy, chúng ta thấy rằng định nghĩa vật chất của Lênin là một định nghĩa toàn diện và triệt để nó giải đáp được cả hai mặt vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phân biệt về nguyên tắc với chủ nghĩa duy tâm, bất khả tri luận, nhị nguyên luận. Đồng thời nó cũn khắc phục thiếu sót, siêu hình, hẹp hòi trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật cũ.

Định nghĩa vật chất của Lênin cũn giúp chúng ta nhận tổ vật chất trong đời sống xã hội, đó là tồn tại xã hội, và nó cũn có ý nghĩa trực tiếp định hướng trong nghiên cứu khoa học tự nhiên, giúp khoa học tự nhiên ngày càng đi sâu vào nghiên cứu dạng cụ thể của vật chất trong giới vĩ mô. Nó cũn giúp chúng ta có thái độ khách quan và đòi hỏi chúng ta phải xuất phát từ thực tế khách quan trong suy nghĩ và hành động.

1.1.2. Các đặc tính của vật chất:

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất và là thuộc tính cố hữu của vật chất.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng vận động là mọi sự biến đổi nói chung chứ không phải là sự chuyển dịch vị trí trong không gian, Anghen cho rằng vận động là một phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất nó bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư

duy. Vận động có nhiều hình thức, trong đó có 5 hình thức vận động cơ bản: thứ nhất là vận động cơ học (di chuyển vị trí của các vật thể trong không gian); thứ hai: vận động vật lý (vận động của các phân tử, các hạt cơ bản,...); thứ ba là vận động hoá học (vận động của các nguyên tử, các quá trình hoá hợp và phân giải các chất); thứ tư: vận động sinh học (trao đổi chất giữa cơ thể sống và môi trường); thứ năm: vận động xã hội (sự biến đổi thay thế của các hình thái kinh tế xã hội). Các hình thức vận động đều quan hệ chặt chẽ với nhau. Một hình thức vận động nào đó được thực hiện là do sự tác động qua lại với các hình thức vận động khác trong đó những hình thức vận động cao bao giờ cũng bao hàm những hình thức vận động thấp hơn, nhưng cũng không thể coi hình thức vận động cao là tổng số đơn giản các hình thức vận động thấp. Mỗi sự vật, hiện tượng có thể gắn với nhiều hình thức vận động nhưng bao giờ cũng được đặc trưng bằng một hình thức vận động cơ bản.

Thế giới vật chất bao giờ cũng ở trong quá trình vận động không ngừng. Không thể có vật chất không vận động, tức là vật chất tồn tại bằng cách vận động và thông qua vận động mà biểu hiện sự tồn tại của mình. Hay nói cách khác vận động là phương thức tồn tại của vật chất. Anghen nhận định rằng và các trạng thái khác nhau của vật chất chỉ có thể tồn tại thông qua vận động và chỉ thông qua vận động ta mới có thể thấy được thuộc tính của vật thể. Trong thế giới vật chất từ các hạt cơ bản đến thế giới vi mô đến vĩ mô, từ vô cơ đến hữu cơ, đến xã hội loài người, tất cả luôn ở trạng thái vận động. Bất cứ một dạng vật chất nào cũng là một thể thống nhất có kết cấu xác định gồm những nhân tố, những bộ phận, những xu hướng khác nhau, cùng tồn tại, ảnh hưởng và tác động lẫn nhau. Sự tác động qua lại đó gây ra biến đổi. Nguồn gốc của vận động là do những nguyên nhân bên trong, vận động của vật chất là tự thân vận động.

Mặc dù vật chất luôn ở trong quá trình vận động không ngừng nhưng điều đó không loại trừ mà còn bao hàm cả hiện tượng đứng im tương đối không có hiện tượng đứng im tương đối thì không có sự phân hóa thế giới vật chất thành các sự vật và hiện tượng phong phú và đa dạng. Anghen khẳng định rằng khả năng đứng im tương đối của các vật thể, khả năng cân bằng tạm thời là những điều kiện chủ yếu của sự phân hóa vật chất. Nếu vận động là sự biến đổi của các sự vật, hiện tượng thì sự đứng im là sự ổn định, là sự bảo toàn tính quy định của các sự vật hiện tượng. Đứng im chỉ biểu hiện của một trạng thái vận động, vận động trong thăng bằng, trong sự ổn định tương đối. Trạng thái đứng im còn được biểu hiện như là một quá trình vận động trong phạm vi của sự ổn định, chưa biến đổi. Đứng im chỉ là tạm thời, nó chỉ xảy ra trong một thời gian nhất định. Vận động riêng biệt có xu hướng chuyển thành cân bằng nhưng vận động toàn thể lại phân loại sự cân bằng riêng biệt thành các sự vật, hiện tượng luôn thay đổi chuyển hoá cho nhau.

Không gian và thời gian là những hình thức tồn tại của vật chất.

Không gian phản ánh thuộc tính của các đối tượng vật chất có vị trí, có hình thức kết cấu, có độ dài, ngắn, cao, thấp. Không gian biểu hiện sự cùng tồn tại và tách biệt của các sự vật với nhau, biểu hiện trật tự phân bố chúng. Còn thời gian phản ánh thuộc tính của các quá trình vật chất diễn ra nhanh hay chậm, kế tiếp nhau theo một trật tự nhất định. Thời gian biểu

hiện tốc độ và trình tự diễn biến của các quá trình vật chất, tính cách biệt giữa các giai đoạn khác nhau của các quá trình đó, sự xuất hiện và mất đi của các sự vật hiện tượng.

Không gian và thời gian là hình cơ bản của vật chất đang vận động. Lênin đó chỉ ra trong thế giới, không có gì ngoài vật chất đang vận động, và vật chất đang vận động không thể vận động ở đâu ngoài không gian và thời gian. Không gian và thời gian là tồn tại khách quan. Nó không phải là hình thức chủ quan để xếp chặt các cảm giác mà ta thu nhận một cách lộn xộn như chủ nghĩa duy tâm quan niệm, cũng như nó không thể đứng ngoài vật chất. Không có không gian trống rỗng. Không gian và thời gian không phải là bất biến, tuyệt đối, mà trái lại không gian và thời gian có sự biến đổi phụ thuộc vật chất vận động.

Tính thống nhất vật chất của thế giới

Chủ nghĩa duy tâm coi ý thức, tinh thần có trước, quyết định vật chất, do đó cũng cho rằng thế giới thống nhất ở tinh thần. Còn chủ nghĩa duy vật biện chứng lại khẳng định rằng, tính thống nhất chân chính của thế giới là ở tính vật chất của nó. Triết học Mác - Lênin khẳng định chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất, không có thế giới tinh thần. Thế giới thần linh ma quỷ tồn tại ở đâu đó bên trên, bên dưới ở trong hay ở ngoài thế giới vật chất. Đồng thời còn khẳng định rằng các bộ phận thế giới đều là những dạng cụ thể của vật chất, có liên hệ thống nhất với và phải luôn tuân thủ theo những quy luật khách quan của thế giới vật chất. Do đó thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô hạn, vô tận, nó không do ai sinh ra và cũng không mất đi. Trong thế giới đó không có cái gì khác ngoài những quá trình vật chất đang biến đổi và chuyển hoá lẫn nhau, là nguyên nhân và là kết quả của nhau.

1.2. Ý thức

1.2.1. Định nghĩa về ý thức

Cũng như vật chất có rất nhiều các quan niệm về ý thức theo các trường phái khác nhau. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật ở đây khẳng định rằng ý thức là đặc tính là sản phẩm của vật chất, ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào bộ óc của con người thông qua lao động và ngôn ngữ. Mác nhấn mạnh rằng tinh thần, ý thức chẳng qua là cái vật chất được di chuyển vào bộ óc của con người và được cải biến ở trong đó.

Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Đó là hình ảnh về thế giới khách quan, hình ảnh ấy bị thế giới khách quan quy định cả về nội dung và hình thức, nó không còn y nguyên như trước nữa mà đã cải biến thông qua lăng kính chủ quan của con người. Ý thức là hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội. Sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối không chỉ của quy luật tự nhiên mà còn của các quy luật xã hội; được quy định bởi nhu cầu giao tiếp xã hội và các điều kiện sinh hoạt hiện thực của đời sống xã hội. Với tính chủ động, ý thức đã sáng tạo lại hiện thực theo nhu cầu của thực tiễn xã hội.

1.2.2. Kết cấu của ý thức

Có bốn yếu tố cơ bản nhất hợp thành ý thức: tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí, trong đó tri thức là nhân tố quan trọng nhất, là phương thức tồn tại của ý thức, đồng thời là nhân tố định hướng đối với sự phát triển và quyết định mức độ biểu hiện của các yếu tố khác.

Tri thức là phương thức tồn tại của ý thức vì sự hình thành và phát triển của ý thức có liên quan mật thiết với nhau trong quá trình nhận thức của con người và cải biến thế giới tự nhiên. Tri thức càng được tích lũy con người ngày càng đi sâu vào bản chất sự vật và cải tạo sự vật có hiệu quả hơn, tính năng động của ý thức cũng nhờ đó mà tăng hơn. Việc nhấn mạnh tri thức là yếu tố cơ bản, quan trọng nhất của ý thức có ý nghĩa chống quan điểm giản đơn coi ý thức chỉ là tình cảm, niềm tin, ý chí. Quan điểm đó chính là biểu hiện của bệnh chủ quan duy ý chí, của niềm tin mù quáng, của sự tưởng tượng chủ quan. Tuy nhiên việc nhấn mạnh yếu tố tri thức cũng không đồng nghĩa với việc phủ nhận và coi nhẹ vai trò của các nhân tố tình cảm ý chí.

Tự ý thức cũng là một yếu tố quan trọng của ý thức. Chủ nghĩa duy tâm coi tự ý thức là một thực thể độc lập, tự nó, có sẵn trong các cá nhân, biểu hiện quan hệ xã hội. Trái lại chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng tự ý thức là ý thức hướng về nhận thức bản thân mình thông qua quan hệ thế giới bên ngoài. Khi phản ánh thế giới khách quan, con người tự phân biệt mình, đối lập mình với thế giới đó và tự nhận thức mình như là một thực thể hoạt động, có cảm giác, có tư duy, các hành vi đạo đức và có vị trí xã hội. Mặt khác sự giao tiếp xã hội và hoạt động thực tiễn xã hội đòi hỏi con người phải nhận rõ bản thân mình và tự điều chỉnh bản thân mình theo các quy tắc, các tiêu chuẩn mà xã hội đề ra. Ngoài ra văn hoá cũng đóng vai trò như “chiếc gương soi” giúp cho con người tự ý thức được bản thân.

Vô thức là một hiện tượng tâm lý nhưng có liên quan đến những hoạt động xảy ra ở ngoài phạm vi của ý thức. Có hai loại vô thức, loại thứ nhất liên quan đến hành vi chưa được con người ý thức; loại thứ hai liên quan đến các hành vi trước kia đã được ý thức nhưng do lặp lại từ đó trở thành thói quen, có thể diễn ra “tự động” bên ngoài sự chỉ đạo của ý thức. Vô thức ảnh hưởng đến nhiều phạm vi hoạt động của con người. Trong những hoàn cảnh nào đó nó có thể giúp con người bớt sự căng thẳng trong hoạt động. Việc tăng cường rèn luyện để biến những hành vi tích cực thành thói quen và có vai trò rất quan trọng đời sống của con người. Trong con người ý thức vẫn là cái chủ đạo cái quyết định trong hành vi cá nhân.

1.2.3 Nguồn gốc của ý thức

Nguồn gốc tự nhiên:

Ý thức ra đời là kết quả của sự phát triển lâu dài của giới tự nhiên cho tới khi xuất hiện con người và bộ óc con người.

Khoa học đã chứng minh rằng thế giới vật chất nói chung và trái đất nói riêng đã từng tồn tại rất lâu trước khi xuất hiện con người, rằng hoạt động ý thức của con người diễn ra trên cơ sở hoạt động sinh lí thần kinh của bộ não con người. Không thể tách rời ý thức ra khỏi bộ não và ý thức là chức năng của bộ não, bộ não là khí quản của ý thức. Sự phụ thuộc của ý thức vào sự hoạt động của bộ não thể hiện ở chỗ khi bộ não bị tổn thương thì hoạt động ý thức

sẽ bị rối loạn. Tuy nhiên, không thể quy một cách đơn giản ý thức về các quá trình sinh lí bởi vì bộ não chỉ là cơ quan phản ánh. Ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào bộ óc con người. Sự xuất hiện của ý thức gắn liền với sự phát triển đặc tính của phản ánh, đặc tính này phát triển cùng với sự phát triển của thế giới tự nhiên. Sự xuất hiện của con người và xã hội loài người đưa lại hình thức của sự phản ánh, đó là sự phản ánh ý thức. Sự phản ánh ý thức luôn gắn liền với việc làm cho tự nhiên thích nghi với nhu cầu phát triển của xã hội.

Nguồn gốc xã hội:

Sự ra đời của ý thức gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của bộ óc con người dưới ảnh hưởng của lao động, của giao tiếp và các quan hệ xã hội.

Lao động của con người là nguồn gốc vật chất có tính chất xã hội nhằm cải tạo tự nhiên, thoả mãn nhu cầu và phục vụ mục đích của bản thân con người. Chính nhờ lao động, con người và xã hội mới hình thành và phát triển. Lao động là phương thức tồn tại đầu tiên của con người, lao động đồng thời ngay từ đầu đã liên kết những con người với nhau trong những quan hệ khách quan, tất yếu, mối quan hệ này đến lượt nó lại làm nảy sinh nhu cầu trao đổi kinh nghiệm và tổ chức lao động, nhu cầu “Cần phải có với nhau một cái gì”. Và kết quả là ngôn ngữ ra đời. Ngôn ngữ được coi là cái vỏ vật chất của tư duy. Với sự xuất hiện ngôn ngữ, tư tưởng của con người có khả năng biểu hiện thành hiện thực trực tiếp, trở thành tính hiệu vật chất tác động đến giác quan con người và gây ra cảm giác. Nhờ có ngôn ngữ con người có thể giao tiếp, trao đổi tư tưởng, tình cảm lẫn nhau truyền đạt kinh nghiệm cho nhau. Thông qua đó mà ý thức cá nhân trở thành ý thức xã hội và ngược lại, ý thức xã hội thâm nhập vào ý thức cá nhân. Ngôn ngữ đã trở thành một phương tiện vật chất không thể thiếu được của sự trừu tượng hoá, tức là quá trình hình thành, thực hiện ý thức và chính nhờ trừu tượng hoá và khái quát hoá mà con người có thể đi sâu vào bản chất của sự vật, hiện tượng, đồng thời tổng kết được hoạt động của mình trong toàn bộ quá trình phát triển lịch sử.

1.2.4. Bản chất của ý thức

Từ việc xem xét nguồn gốc của ý thức, có thể thấy rõ ý thức có bản tính phản ánh, sáng tạo và bản tính xã hội.

Bản tính phản ánh thể hiện thông tin về thế giới bên ngoài, là biểu thị nội dung nhân được từ vật gây ra tác động và được truyền đi trong quá trình phản ánh. Bản tính của phản ánh quy định mặt khách quan của ý thức, tức là ý thức phải lấy cái khách quan làm tiền đề, bị cái khách quan quy định và có nội dung phản ánh là thế giới khách quan.

Ý thức ngay từ đầu đã gắn liền lao động, với hoạt động sáng tạo cải biến và thống trị tự nhiên của con người và đã trở thành mặt không thể thiếu được của hoạt động đó. Tính sáng tạo của ý thức thể hiện ở chỗ nó không chụp lại một cách thụ động, nguyên xi sự vật mà phản ánh gắn liền với cải biến, quá trình thu thập thông tin gắn liền với xử lí thông tin. Ngoài ra, tính sáng tạo của ý thức còn thể hiện ở khả năng gián tiếp khái quát thế giới khách quan, ở quá trình chủ động tác động vào thế giới để phản ánh thế giới đó.

Phản ánh và sáng tạo liên quan chặt chẽ với nhau không thể tách rời. Không có phản ánh thì không có sáng tạo vì phản ánh là điểm xuất phát, là cơ sở của sáng tạo. Ngược lại không có sự sáng tạo thì không phải là phản ánh ý thức. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa hai quá trình thu nhập và xử lý thông tin, là sự thống nhất giữa mặt khách quan và chủ quan trong ý thức.

Ý thức chỉ được nảy sinh trong lao động, trong hoạt động cải tạo thế giới của con người. Hoạt động đó không phải là hoạt động đơn lẻ mà là hoạt động xã hội. Do ý thức ngay từ đầu đã là sản phẩm của xã hội. Ý thức trước hết là tri thức của con người về xã hội và hoàn cảnh, về những gì đang diễn ra ở thế giới khách quan, về mối liên hệ giữa người và người trong xã hội. Do đó ý thức xã hội hình thành và bị chi phối bởi tồn tại xã hội cùng các quy luật tồn tại của xã hội đó... Và ý thức của mỗi cá nhân mang trong lòng của ý thức xã hội. Bản thống nhất nó thể hiện ở tính năng động chủ quan của ý thức, ở mối quan hệ giữa nhân tố vật chất và nhân tố ý thức trong hoạt động cải tạo thế giới của con người.

1.3 Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Lênin đã chỉ ra rằng, sự đối lập giữa vật chất và ý thức có nghĩa tuyệt đối trong phạm vi hết sức hạn chế, trong trường hợp này, chỉ giới hạn trong vấn đề nhận thức luận cơ bản là thừa nhận cái gì có trước và cái gì có sau. Ngoài giới hạn đó thì không còn nghi ngờ gì nữa, sự đối lập đó chỉ là tương đối. Như vậy, để phân ranh giới chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, để xác định bản tính và thống nhất của thế giới, cần có sự đối lập tuyệt đối giữa vật chất và ý thức trong khi trả lời câu hỏi cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào. Không như vậy sẽ lẫn lộn hai đường lối cơ bản trong triết học, lẫn lộn vật chất với ý thức và cuối cùng sẽ xa rời quan điểm duy vật. Song sự đối lập giữa vật chất và ý thức chỉ là tương đối nếu như chúng ta xét chừng như là những nguyên tố, những mặt không thể thiếu được trong hoạt động của con người, đặc biệt là hoạt động thực tiễn cải tạo thế giới của con người. Bởi vì, ý thức tự nó không thể cải biến được sự vật, không có khả năng tự biến thành hiện thực.

1.3.1 Vật chất quyết định ý thức

Dựa trên những thành tựu của khoa học tự nhiên, nhất là sinh lý học thần kinh, chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định rằng ý thức là một thuộc tính của vật chất nhưng không phải của mọi dạng vật chất mà chỉ là thuộc tính của một dạng vật chất sống có tổ chức cao là bộ óc người. Bộ óc người là cơ quan vật chất của ý thức. Khoa học cũng đã chứng minh được rằng, thế giới vật chất nói chung và trái đất nói riêng đã từng tồn tại rất lâu trước khi xuất hiện con người và bộ óc người, rằng ý thức ra đời là kết quả của sự phát triển lâu dài của giới tự nhiên cho tới khi xuất hiện con người và bộ óc người. Hoạt động ý thức của con người diễn ra trên cơ sở hoạt động sinh lý thần kinh của bộ não người. Bộ não người bao gồm hàng tỷ tế bào thần kinh, các tế bào này tạo nên vô số các mối liên hệ nhằm thu nhận, xử lý, truyền dẫn và điều khiển toàn bộ các hoạt động của cơ thể trong quan hệ đối với thế giới bên ngoài qua các cơ chế phản xạ. Không chỉ có thế, vận động của ý thức, tư duy trên thực tế cũng là sản phẩm của sự vận động của vật chất. Điều đó được chứng minh một cách khá rõ ràng ở hình thức vận động xã hội của vật chất. Đó là sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội, từ đó

sớm hay muộn cũng dẫn đến sự thay đổi của ý thức, của cách nghĩ, bởi tồn tại xã hội bao giờ cũng quyết định ý thức xã hội.

Vai trò cơ sở, quyết định của vật chất còn được thể hiện ở chỗ nó quyết định nội dung phản ánh, quyết định sự biến đổi của ý thức.

Từ định nghĩa vật chất của Lênin: Vật chất mà cái cảm giác, tư duy, ý thức chẳng qua chỉ là sự phản ánh của nó, mà ta thấy rằng nội dung phản ánh của ý thức là thế giới bên ngoài, là hiện thực khách quan. Hay nói các khác: Ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào trong bộ óc của con người. Chính vì vậy mà thế giới khách quan như thế nào thì ý thức phản ánh như thế ấy, không nên phản ánh một cách xuyên tạc, hư ảo, bóp méo sự thật về thế giới khách quan như việc tô vẽ hình tượng các vị thần linh. Nội dung phản ánh của ý thức phải lấy cái khách quan làm tiền đề và bị cái khách quan quy định.

Vật chất quyết định sự biến đổi của ý thức. Do ý thức là chức năng của bộ não người. Hoạt động ý thức không diễn ra ở đâu ngoài những hoạt động sinh lý thần kinh của bộ não. ý thức phụ thuộc vào hoạt động của bộ não, do đó khi bộ não bị tổn thương thì hoạt động ý thức sẽ không được bình thường hoặc bị rối loạn.

Mặt khác, trong hoạt động của con người, nhu cầu vật chất bao giờ cũng giữ vai trò quyết định, chi phối và quy định mục đích hoạt động bởi vì con người trước hết phải được thỏa mãn nhu cầu vật chất tối thiểu: ăn, ở, mặc... rồi mới nghĩ đến vui chơi, giải trí, các hoạt động tinh thần. Tức là, hoạt động nhận thức của con người trước hết hướng tới mục tiêu cải biến tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu sống. Cuộc sống tinh thần của con người phụ thuộc và bị chi phối bởi nhu cầu vật chất và những điều kiện vật chất hiện có. Ý thức con người không thể tạo ra các đối tượng vật chất, cũng không thay đổi được quy luật vận động của nó. Do đó, mọi mục tiêu ước muốn của con người không dựa trên điều kiện vật chất hiện có, trên mảnh đất hiện thực đều là ước mơ chủ quan, không tưởng.

Không chỉ có thế, vật chất còn là điều kiện để hiện thực hoá ý thức. Nó quy định khả năng các nhân tố tinh thần có thể tham gia vào hoạt động của con người. Nó tạo điều kiện cho nhân tố tinh thần này hoặc nhân tố tinh thần khác biến thành hiện thực và qua đó quy định mục đích, chủ trương, biện pháp mà con người đề ra cho hoạt động của mình bằng cách chọn lọc, sửa chữa, bổ sung, cụ thể hoá các mục đích, chủ trương biện pháp đó.

Tuy nhiên, khi khẳng định vai trò cơ sở, quyết định trực tiếp của vật chất đối với ý thức, chủ nghĩa duy vật macxit đồng thời cũng vạch rõ sự tác động trở lại vô cùng quan trọng của ý thức đối với vật chất.

1.3.2. Ý thức tác động đến vật chất

Ý thức do vật chất sinh ra song sau khi ra đời, ý thức có tính độc lập tương đối nên có sự tác động trở lại to lớn đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Nó có tác động tích cực, làm biến đổi hiện thực, vật chất khách quan theo nhu cầu của mình. Hoặc nó cũng có thể tác động tiêu cực thậm chí phá hoại các điều kiện khách quan, hoàn cảnh khách

quan, kéo lùi lịch sử. Bởi mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là mối quan hệ tác động qua lại. Không nhận thức được điều này sẽ rơi vào quan niệm duy vật tầm thường và bệnh bảo thủ trì trệ trong nhận thức và hành động.

Nói tới vai trò của ý thức về thực chất là nói tới vai trò của con người bởi ý thức là ý thức của con người. Trái với các nhà triết học duy tâm muốn biến ý thức của con người thành động lực của lịch sử, Các Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Xưa nay, tư tưởng không thể đưa người ta vượt ra ngoài trật tự thế giới cũ được, trong bất cứ tình huống nào, tư tưởng cũng chỉ có thể đưa người ta vượt ra ngoài phạm vi tư tưởng của trật tự thế giới cũ mà thôi”. Thật vậy, tư tưởng căn bản không thể thực hiện được cái gì hết. Muốn thực hiện tư tưởng thì cần có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn. Điều đó cũng có nghĩa là con người muốn thực hiện các quy luật khách quan thì phải nhận thức, vận dụng đúng đắn các quy luật đó, phải có ý chí và phương pháp để tổ chức hành động. Như vậy vai trò của ý thức là ở chỗ nó giúp con người đề ra chủ trương, đường lối, chính sách, những mục đích, kế hoạch, biện pháp, phương hướng phù hợp với thực tế khách quan. Nói như vậy có nghĩa là cũng có những ý thức khoa học và những ý thức không khoa học so với hiện thực khách quan, tương ứng với nó là hai tác động trái ngược nhau tích cực và tiêu cực của ý thức đối với vật chất.

Vai trò tích cực của ý thức, tư tưởng không phải ở chỗ nó trực tiếp tạo ra hay thay đổi thế giới vật chất mà là nhận thức thế khách quan từ đó hình thành được mục đích, phương hướng, biện pháp đúng đắn đồng thời có ý chí, quyết tâm cần thiết cho hoạt động của mình. Sức mạnh của ý thức con người không phải ở chỗ tách rời điều kiện vật chất, thoát ly hiện thực khách quan, mà là biết dựa vào điều kiện vật chất đã có, phản ánh đúng quy luật khách quan để cải tạo thế giới khách quan một cách chủ động, sáng tạo với ý chí và quyết tâm cao nhằm phục vụ lợi ích của con người và xã hội. Con người nhận thức và phản ánh thế giới thế giới khách quan càng đầy đủ chính xác bao nhiêu thì cải tạo chúng càng có hiệu quả bấy nhiêu. ở đây vai trò năng động sáng tạo của ý thức, của nhân tố chủ quan của con người có vị trí hết sức quan trọng. Bảo thủ trì trệ hoặc tiêu cực thụ động, ỷ lại ngồi chờ chính là kìm hãm sự phát triển, triệt tiêu tính năng động tích cực sáng tạo của ý thức.

Mặt khác, do có tính vượt trước, nên ý thức giúp cho hoạt động của con người trở nên tự giác, tích cực, chủ động hơn như trong việc dự báo, lập kế hoạch, đề ra đường lối, phương pháp hành động.

Vai trò của ý thức còn thể hiện ở vai trò của tri thức, trí tuệ, tình cảm và ý chí. Nó không những là kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn mà còn là động lực của thực tiễn. Không có sự thúc đẩy của tình cảm, ý chí, hoạt động thực tiễn sẽ diễn ra một cách chậm chạp, thậm chí không thể diễn ra được. Nhờ ý chí và tình cảm, ý thức quy định tốc độ và bản sắc của hoạt động thực tiễn. Tinh thần, dũng cảm, dám nghĩ dám làm, lòng nhiệt tình, chí quyết tâm, tình yêu, niềm say mê với công việc, khả năng sáng tạo và vượt qua khó khăn nhằm đạt tới mục tiêu xác định đều có ảnh hưởng to lớn đến hoạt động thực tiễn làm cho nó diễn ra nhanh hay chậm. Tuy nhiên, ý chí, tình cảm chỉ là động lực mà không thể là kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn. Bởi vì, sự thành công hay thất bại của hoạt động thực tiễn, tác dụng tích cực hay tiêu

cực của ý thức đối với sự phát triển của tự nhiên và xã hội chủ yếu phụ thuộc vào vai trò chỉ đạo ý thức. Chính vì vậy phải biết kết hợp giữa tri thức, trí tuệ, khoa học với ý chí, tình cảm. Bởi tri thức càng được tích lũy, con người ngày càng đi sâu vào bản chất sự vật và cải tạo sự vật có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên cơ sở cho việc phát huy tính năng động chủ quan của ý thức là việc thừa nhận và tôn trọng tính khách quan của vật chất, của các quy luật tự nhiên và xã hội. Nếu như thế giới vật chất – với những thuộc tính và quy luật vốn có của nó – tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý thức con người thì trong nhận thức và hoạt động thực tiễn phải xuất phát từ thực tế khách quan, lấy thực thể khách quan làm căn cứ cho mọi hoạt động của mình. Chính vì vậy, Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, không được lấy ý muốn chủ quan của mình làm chính sách, không được lấy tình cảm làm điểm xuất phát cho chiến lược và sách lược cách mạng. Nếu chỉ xuất phát từ ý muốn chủ quan, nếu lấy ý chí áp đặt cho thực tế, lấy ảo tưởng thay cho hiện thực thì sẽ mắc phải bệnh chủ quan duy ý chí. Không chỉ có thế, khi vai trò chỉ đạo của ý thức phạm sai lầm thì tinh thần, dũng cảm, lòng nhiệt tình, chí quyết tâm cũng làm cho hoạt động thực tiễn thất bại một cách nhanh chóng.

Qua những điều vừa trình bày ở trên về mối quan hệ giữa vật chất với ý thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chúng ta có thể rút ra một ý nghĩa hết sức quan trọng trong hoạt động thực tiễn của con người như sau: Mọi hoạt động của con người (cả hoạt động nhận thức lẫn hoạt động thực tiễn) đều phải xuất phát từ thực tế khách quan, phát huy được tính năng động sáng tạo của ý thức, tư tưởng, của nhân tố chủ quan của con người và đồng thời chống chủ quan duy ý chí.

2. Vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong công cuộc đổi mới đất nước

2.1. Vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức vào mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị.

Như chúng ta đã biết, giữa vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng lẫn nhau. Trong nhiều trường hợp, nhân tố ý thức có tác dụng quyết định đến sự thành bại của hoạt động con người. Điều này thể hiện rõ trong tác động của đường lối, các chủ trương, chính sách đổi mới kinh tế của Đảng. Song xét đến cùng, tác động của ý thức có tính tương đối, có điều kiện. Vai trò tích cực hay tiêu cực của ý thức chỉ được trong một thời gian nhất định và điều kiện cụ thể. Vì thế giới vẫn tồn tại khách quan và vận động theo quy luật khách quan đòi hỏi ý thức phải biến đổi phù hợp với nó, và nếu là tiêu cực, ý thức sớm muộn sẽ bị đào thải. Do vậy, xét toàn cục, ý thức chỉ có được nếu nó thâm nhập vào quần chúng và tổ chức hoạt động. Nếu như chúng ta đưa nó vào những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, thì chúng ta có thể thấy rằng, giữa kinh tế (biểu hiện của vật chất) và chính trị (biểu hiện về ý thức) cũng có mối quan hệ ràng buộc với nhau. Bởi vì, chúng ta thấy rằng, tình hình kinh tế của một nước là cơ sở, là quyết định, song chính trị là cơ bản. Nếu kinh tế của một nước giàu mạnh, nhưng chính trị không ổn định, đấu tranh giai cấp, tôn giáo giữa các Đảng phái khác nhau...thì đất nước đó cũng không

thể trở nên yên ấm và tồn tại lâu dài được, cuộc sống của nhân dân tuy sung túc, đầy đủ nhưng luôn phải sống trong lo âu, sợ hãi vì nội chiến, chết chóc. Do đó, nếu chính trị của một nước mà ổn định, tuy nhiều Đảng khác nhau nhưng vẫn quy về một chính Đảng thống nhất đất nước, và Đảng này vẫn đem lại sự yên ấm cho nhân dân, thì nếu đất nước đó giàu thì cuộc sống của nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc, ngược lại cuộc sống của nhân dân sẽ trở nên khó khăn và sẽ dẫn đến đảo chính, sự sụp đổ chính quyền để thay thế một chính quyền mới đem lại nhiều lợi ích cho nhân dân hơn.

Mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị thay đổi tùy theo từng hình thái kinh tế xã hội. Con người trải qua năm hình thái xã hội: thời kỳ nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Trình độ tổ chức quản lý và tính chất hiện đại của nền sản xuất sẽ là nhân tố quy định trình độ hiện đại và mức sống của xã hội. Sản xuất vật chất còn là nền tảng hình thành tất cả các quan hệ xã hội và đời sống tinh thần của xã hội. Hiện thực lịch sử đã chỉ ra rằng, mọi quan hệ của đời sống xã hội bao gồm quan hệ chính trị. Nhà nước pháp quyền, đạo đức, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo... đều hình thành và biến đổi phát triển gắn liền với cơ sở kinh tế và sản xuất nhất định. Trong xã hội ấy, theo Mác quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (quan hệ kinh tế) là quan hệ cơ bản nhất quyết định tất cả các quan hệ khác. Một khi sản xuất phát triển, cách thức sản của con người thay đổi, năng suất lao động tăng, mức sống được nâng cao từ đó các mối quan hệ và mọi mặt của đời sống xã hội cũng thay đổi theo. Sản xuất vật chất hay kinh tế là cơ sở đầu tiên quan trọng nhất tham gia vào quá trình phân hóa và hoàn thiện các chức năng của con người, thoả mãn các nhu cầu của con người và xã hội. Sản xuất vật chất, môi trường, tự nhiên, điều kiện xã hội... đòi hỏi thể lực, trí tuệ và nhân cách của con người phải phát triển thích ứng với nó. Yêu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế, phát triển sản xuất là cho khoa học kỹ thuật và điều kiện sinh hoạt xã hội, là nhân tố quan trọng hàng đầu của lực lượng sản xuất. Sự phong phú và đa dạng của những quan hệ vật chất, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và đời sống tinh thần trong quá trình sản xuất vật chất là cơ sở làm nảy sinh sự phong phú và đa dạng trong sự phát triển thể chất, năng lực và tinh thần của con người.

Nền kinh tế của mỗi nước là cơ sở để nước đó thực hiện những chủ trương, biện pháp trong việc quản lý, đề ra những chiến lược phát triển kinh tế, chiến lược phát triển quân đội để đảm bảo trật tự an ninh và chủ quyền quốc gia. Căn cứ vào thực trạng của nền kinh tế, các tư tưởng và chính sách đổi mới phát triển kinh tế được đưa ra phù hợp và hiệu quả nhằm đem lại lợi ích kinh tế cao cho xã hội, cũng đồng thời cho nhân dân. Tác dụng ngược trở lại, thể chế chính trị (ý thức) của một nước cũng rất quan trọng trong việc xây dựng đất nước. Chính trị ổn định là điều kiện tốt, tạo không khí yên ấm, thoải mái và tự do để mọi người, nhà nhà, các công ty, các tổ chức, hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội cống hiến và phát huy khả năng của mình để đem lại lợi ích cho bản thân mình và lợi cho xã hội.

Nguyên lý triết học Mác - Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức đòi hỏi chúng ta phải xem xét tình hình các sự vật (ở đây là nền kinh tế) từ thực tế khách quan, tránh chủ nghĩa chủ quan, duy ý trí, đồng thời phát huy vai trò năng động sáng tạo của ý thức, phát huy nỗ lực chủ quan của con người (như hoạt động kinh tế của nước ta, trong công

cuộc đổi mới do Đảng Cộng Sản Việt Nam khởi xướng đã chú trọng đến việc đề cao yếu tố con người, làm cho ý thức thay đổi mới thâm nhập vào các cơ sở kinh tế, vào đông đảo quần chúng).

2.2. Vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong việc xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta hiện nay:

Như chúng ta đã biết, sau khi giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước, nền kinh tế miền Bắc còn nhiều nhược điểm. Cơ sở vật chất kỹ thuật yếu kém, cơ cấu kinh tế nhiều mặt mất cân đối, năng suất lao động thấp, sản xuất chưa bảo đảm nhu cầu đời sống, sản xuất nông nghiệp chưa cung cấp đủ thực phẩm cho nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hoá cho xuất khẩu. Mặt khác nền kinh tế miền Bắc còn bị chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ tàn phá nặng nề. Ở miền Nam, sau 20 năm chiến tranh, nền kinh tế bị đảo lộn và suy sụp, nông nghiệp nhiều vùng hoang hoá, lạm phát trầm trọng...

Trước tình hình đó, Đại hội Đảng lần thứ IV lại đề ra những chỉ tiêu kế hoạch năm 1976 - 1980 quá cao về xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất vượt quá khả năng của nền kinh tế, như năm 1975, phấn đấu đạt 20 triệu tấn lương thực, 1 triệu tấn cá biển, 1 triệu ha khai hoang, 1 triệu 200 ha rừng mới trồng... 10 triệu tấn than sạch, 2 triệu tấn xi măng... Đặc biệt là đề ra việc xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về công nghiệp nặng, đặc biệt là cơ khí và đặt nhiệm vụ hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam. Những chủ trương sai lầm đó cùng với cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp đã tác động xấu tới nền kinh tế, ảnh hưởng không tốt đến đời sống của nhân dân... Đến hết năm 1980, nhiều chỉ tiêu kinh tế đề ra chỉ đạt khoảng 50%-60% mức đề ra, nền kinh tế tăng trưởng rất chậm chạp.

Đại hội Đảng lần thứ V cũng chưa tìm ra được đầy đủ những nguyên nhân đích thực của sự trì trệ trong nền kinh tế của nước ta và cũng chưa đề ra được các chủ trương chính sách và toàn diện về đổi mới, nhất là kinh tế. Trong năm 1981-1985 chúng ta chưa kiên quyết khắc phục chủ quan, trì trệ trong bố trí cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế, lại phạm những sai lầm mới trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Nhìn chung, chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu tổng quát do Đại hội lần thứ V đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã nhận định: "Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã sai phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: Nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương". Ngoài ra cũng có những nguyên nhân khách quan như hậu quả của nhiều năm chiến tranh, bối cảnh quốc tế,...song chủ yếu là do chúng ta phạm sai lầm chủ quan, những sai lầm đó cùng với trì trệ trong công tác tổ chức cán bộ đã kìm hãm lực lượng sản xuất và triệt tiêu nhiều động lực phát triển. Qua đó ta thấy rõ tác động tiêu

cực của ý thức (chủ trương chính sách về quản lí) đối với vật chất (nền kinh tế). Phép biện chứng duy vật khẳng định rằng nếu ý thức là tiêu cực thì sớm muộn sẽ bị đào thải.

Vì vậy trước tình hình ngày càng nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội ở nước ta Đảng và nhà nước ta đã đi sâu nghiên cứu, phân tích tình hình lấy ý kiến rộng rãi của cơ sở, của nhân dân, và đặc biệt là đổi mới tư duy về kinh tế. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã rút ra bốn kinh nghiệm lớn, trong đó có kinh nghiệm: phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Đảng đã đề ra đường lối, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tại Đại hội VI Đảng ta đã tự phê bình một cách nghiêm khắc, đã phân tích đúng nguyên nhân của tình hình khủng hoảng kinh tế xã hội, đề ra các định hướng mới đặc biệt là đổi mới kinh tế, đã thực hiện mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất, hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, thừa nhận sự tồn tại của kinh tế tiểu tư sản, sản xuất hàng hoá và kinh tế tư bản tư nhân, đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá - tiền tệ. Trong quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, những diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế và xã hội của nước ta, nhưng Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì tìm tòi, khai phá con đường đổi mới: công cuộc đổi mới. Và đến Đại hội Đại Biểu toàn Quốc lần thứ VII ta đã đánh giá tình hình kinh tế chính trị xã hội Việt Nam sau bốn năm thực hiện đường lối đổi mới: công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình chính trị của đất nước ổn định, nền kinh tế có những chuyển biến tích cực, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước, nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn, tốc độ lạm phát được kiềm chế bớt, đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân có phần được cải thiện. So với trước đây thì mức độ khủng hoảng đã giảm bớt.

Qua những dẫn chứng trên, ta thấy rõ tác động qua lại giữa ý thức và vật chất, giữa kinh tế và chính trị. Nhờ có đường lối đổi mới, sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân nói chung được cải thiện, mức độ khủng hoảng đã giảm bớt, do đó đã góp phần ổn định tình hình chính trị của đất nước, góp phần vào việc phát huy dân chủ trong xã hội. Không chỉ vậy, Đại hội VII đã chỉ ra những vấn đề lớn còn tồn tại cần giải quyết, đặc biệt về mặt kinh tế đó là: lạm phát còn ở mức cao, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài, lao động thiếu việc làm,... Đồng thời cũng tự phê bình về việc chậm xác định rõ yêu cầu và nội dung đổi mới, còn nhiều lúng túng và sơ hở trong điều hành, quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường... Đặc biệt, Đại hội cũng xác định: "Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị tập trung sức đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân và làm việc, các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành đổi mới trong lĩnh vực chính trị".

Như vậy, rõ ràng Đảng cộng sản Việt Nam ngày càng vận dụng đúng đắn phương pháp luận duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức vào công cuộc đổi mới, tiến hành đổi mới kinh tế trước để tạo điều kiện đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đại hội VII, sau khi đã phân tích sâu sắc đặc điểm tình hình quốc tế và trong nước đã đề ra mục tiêu tổng quát

vào các mục tiêu cụ thể, những phương châm chỉ đạo trong 5 năm 1991- 1995 đặc biệt đáng chú ý là phương châm kết hợp động lực kinh tế với động lực chính trị tinh thần, phương châm tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ đưa công tác đổi mới đi vào chiều sâu với bước đi vững chắc lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới các lĩnh vực khác.

Sau Đại hội lần thứ VII, Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã đề ra các nghị quyết hội nghị Trung ương 2, 3, 4, và 5 đề cụ thể hoá và phát triển đường lối Đại hội VII, giải quyết một loạt vấn đề cụ thể trên nhiều lĩnh vực đối nội và đối ngoại. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đó đánh giá thành tựu to lớn có ý nghĩa hàng đầu là đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội...khắc phục được nhiều mặt đình đốn, suy thoái, tốc độ tăng trưởng khá và liên tục trong 3 năm qua. Lạm phát được đẩy lùi từ 67% năm 1991 xuống còn 5,2% năm 1993. Tổng sản phẩm trong nước GDP tăng bình quân 8,2%, vượt xa mục tiêu đề ra, Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, sản lượng lương thực 5 năm qua tăng 26% so với 5 năm trước đó, tạo điều kiện cơ bản để ổn định đời sống nhân dân, phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, vấn đề lương thực được giải quyết tốt. Sản xuất công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 13,3 %, vượt xa mục tiêu ban đầu. Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng theo hướng đa dạng hoá và đa phương hoá, thị trường xuất nhập khẩu được củng cố và mở rộng, nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh, kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 1991 - 1995 đạt trên 17 tỷ USD (kế hoạch là 12 - 15 tỷ USD), đảm bảo nhập các loại vật tư, thiết bị và hàng hoá đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống, góp phần cải thiện cán cân thanh toán thương mại... Khoa học công nghệ có bước phát triển, đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của nước ta, phục vụ cho việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Hội nghị Đại biểu toàn quốc cũng nêu lên thành tựu về tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị, về mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Như vậy, ở đây lại càng thấy rõ tác động của kinh tế đối với chính trị và xã hội, đối với công tác đối ngoại, công tác quốc phòng và an ninh... Đổi mới kinh tế quyết định nhưng các nhân tố chính trị, xã hội, đối ngoại cũng ảnh hưởng tích cực trở lại đối với kinh tế. Vận dụng đúng đắn các quy luật của phép biện chứng duy vật. Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ cũng vạch ra những mặt yếu kém về kinh tế để có những chủ trương và biện pháp giải quyết Hội nghị đã dự đoán những thách thức lớn và những cơ hội lớn trong thời gian tới, từ đó đề ra những nhiệm vụ chủ yếu: thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện chính sách nhất quán phát triển kinh tế nhiều thành phần, xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng của xã hội chủ nghĩa, chăm lo các vấn đề văn hoá - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân, đổi mới chỉnh đốn Đảng, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Sau hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, Trung ương Đảng (khoá VII) ra nghị quyết về phát triển công nghiệp, công nghệ mới đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Cải cách một bước nền hành chính Nhà nước (Hội nghị lần thứ VIII ban chấp hành Trung ương Đảng từ 16-23/1/1995). Với nội dung của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, có thể nói đó hoàn thành trương trình cụ thể hoá một bước cương lĩnh và chiến lược phát triển kinh tế xã hội mà Đại hội VII đã thông qua.

Với sự thành công của công cuộc đổi mới hơn mười năm (1986 -1995), chúng ta càng có cơ sở để khẳng định rằng, công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu thế phát triển khách quan của lịch sử. Trước đây, Đảng ta đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo chủ nghĩa xã hội, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần: cú lẩy đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp; có nhiều chủ trương sai lầm trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương; công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng. Quán triệt nguyên tắc khách quan khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí là nhiệm vụ của Đảng, toàn nhân dân ta, nhiệm vụ này chỉ được thực hiện nếu chúng ta kết hợp chặt chẽ giữa nhiệt tình cách mạng và tri thức khoa học. Và trên cơ sở nghiên cứu tình hình các nước tư bản chủ nghĩa trên thế giới, những đặc điểm của chủ nghĩa xã hội và tình hình thực tế của nước ta để vận dụng một cách tổng hợp các mặt mạnh, hạn chế các mặt yếu của chủ nghĩa tư bản, và đã đưa ra phương châm phát triển kinh tế Việt Nam sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, qua thực tiễn 10 năm đổi mới, chúng ta cũng nhận thức rõ là không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội, mà ngay trong từng bước và suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội.

Trên tình hình đó, cùng với những kinh nghiệm đã thu được qua những năm đổi mới, ở Đại hội VIII lần này cũng đã đi từ thực tế khách quan, đánh giá những đặc điểm của tình hình kinh tế, chính trị xã hội Việt Nam, những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ. Đảng ta cũng đã nhận định thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau vì vậy chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới: đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng. Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào cương lĩnh của Đảng, cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Và thực tế trong những năm qua, với những chính sách, chương trình phát triển kinh tế chính trị xã hội, chính sách ngoại giao hợp lý, chúng ta đã đạt được những bước tiến rất quan

trọng, bình thường hoá quan hệ với Mỹ, là thành viên của khối ASEAN (Hiệp hội các nước Đông Nam Á). Đặc biệt năm 1998 ta đã trở thành thành viên của khối APEC (Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương)...Từ chỗ bị bao vây cấm vận nay ta đã bình thường hoá được tất cả các nước lớn, có quan hệ ngoại giao với 167 nước, quan hệ thương mại với 120 nước, Đồng thời cân bằng quan hệ với các nước lớn, phát triển quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng trong khu vực. Điều đó có ý nghĩa to lớn trong việc giữ vững môi trường hoà bình ổn định, là nền tảng xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tăng trưởng GDP tiếp tục tăng cao, lạm phát vẫn được giữ ở mức dưới 10%. Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp vẫn đạt hai con số... Đời sống của nhân dân ngày càng được ổn định và nâng cao.

Như vậy, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo ngày càng được cụ thể hoá và đi vào chiều sâu được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng và hăng hái thực hiện, Đảng ngày càng nắm vững và vận dụng đúng đắn sáng tạo phương pháp luận triết học toàn diện Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị trong công cuộc đổi mới nhằm tăng trưởng nền kinh tế là rất rõ ràng. Một ví dụ trong sản xuất nông nghiệp: từ năm 1988 trở về trước, đất nước ta vẫn trong tình trạng triền miên thiếu lương thực. Mỗi năm phải nhập khẩu hơn hàng chục vạn tấn lương thực cho nhu cầu trong nước, năm cao nhất phải nhập khẩu hơn 1 triệu tấn, dẫn đến khủng hoảng kinh tế xã hội ngày càng nghiêm trọng. Các đồng chí Trung ương Đảng và một số địa phương đã đi sâu tìm hiểu nguyên nhân và biện pháp giải quyết. Sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực chỉ thực sự từng bước khởi sắc kể từ khi thực hiện chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, đặc biệt là từ khi thực hiện nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (5/4/1988) về đổi mới quản lý nông nghiệp. Chỉ một năm sau khi thực hiện nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, sản xuất lương thực đạt 21 triệu tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 333 Kg, xuất nhập khẩu 1 triệu 405 tấn gạo. Những năm tiếp theo đó cho đến nay, sản xuất lương thực, cũng như sản xuất nông nghiệp nói chung vẫn tiếp tục phát triển, năm sau cao hơn trước. Năm 1994, mặc dù thiên tai gay gắt ở cả hai miền làm thiệt hại đến hơn 1 triệu tấn nhưng sản lượng lương thực vẫn đạt 26 triệu tấn, mức cao nhất từ trước tới nay, tăng 2,7% so với năm trước, lượng gạo xuất khẩu vẫn đạt hơn 2 triệu tấn. Do sản xuất nông nghiệp phát triển, bộ mặt nông nghiệp ngày càng thay đổi, đời sống nông dân ngày càng được cải thiện, lòng tin vào chế độ được củng cố. Thắng lợi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực là một thành tích nổi bật trong quá trình đổi mới nền kinh tế đất nước góp phần đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, và là biểu hiện rất rõ nét của mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị trong công cuộc đổi mới nhằm tăng trưởng nền kinh tế đất nước như về tăng trưởng tổng sản phẩm quốc dân, về tốc độ thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, về xuất khẩu...

Đổi mới là sự nghiệp khó khăn chưa có tiền lệ nhưng thực tiễn những năm qua đã chứng tỏ đường lối đổi mới, chủ trương chính sách lớn về đổi mới, chủ trương chính sách lớn về đổi mới là rất đúng đắn, bước đi là thích hợp. Xây dựng chủ nghĩa xã hội còn là sự nghiệp rất mới mẻ, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải phát huy cao độ vai trò của nhân tố chủ quan của tính năng động chủ quan, đòi hỏi nhiều công phu nghiên cứu để khám phá, tìm tòi ra mô hình

thích hợp với thực tiễn Việt Nam. Những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những biến động nhiều mặt của đất nước ta trong quá trình đổi mới toàn diện xã hội càng đòi hỏi chúng ta phải kiên trì giữ vững lòng tự tin, quyết tâm khắc phục khó khăn đồng thời phải tỉnh táo thông minh, nhạy cảm để thích ứng kịp thời với tình hình thực tế biến đổi từng ngày, từng giờ phải có một cuộc sống năng động chủ quan kết hợp chặt chẽ sự nhạy cảm giữa sự phát triển của khoa học kỹ thuật với tình hình chung của đất nước ta hiện nay rõ ràng việc làm bền sự thống nhất giữa nhiều tình ý thức cách mạng và tri thức khoa học là hết sức cấp bách và cần thiết. Bởi vì tri thức khoa học khoa học có được hay không cũng nhờ lòng hiểu biết, trí thông minh, ý chí quyết tâm học tập và nhận thức khoa học. Ngược lại nếu tri thức khoa học phải phát huy được tác dụng trong thực tế thì nó lại trở thành động lực tăng thêm ý chí và nhiệt tình cách mạng.

Người cán bộ kinh tế phải quán triệt sâu sắc và tận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết là phương pháp luận toàn diện và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu, đề xuất và áp dụng các chủ trương chính sách về kinh tế, các phương pháp, cơ chế quản lý kinh tế tài chính theo tinh thần đổi mới để thúc đẩy nền kinh tế nước ta vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, tránh khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp cũng có nghĩa là đòi hỏi người làm công tác quản lý kinh tế chân chính phải năng động sáng tạo, nhạy bén, nắm bắt được thực tế và quy luật vận động và phát triển của nó.

KẾT LUẬN

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự nghiệp rất khó và phức tạp, có thể coi nó như một công cuộc kháng chiến trường kỳ của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những biến động nhiều của đất nước ta trong quá trình đổi mới toàn diện xã hội càng đòi hỏi Đảng và nhà nước ta phải kiên trì, kiên định, giữ vững lòng tin, quyết tâm khắc phục khó khăn đồng thời phải tỉnh táo, thông minh nhạy bén để thích ứng kịp thời với tình hình thực tế biến đổi từng ngày, từng giờ.

Quán triệt phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng thành thạo phép duy vật duy vật biện chứng vào việc nghiên cứu và quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ hơn nữa quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị trong công cuộc đổi mới nhằm tăng trưởng nền kinh tế quốc dân, nhất định chúng ta sẽ trở thành những cán bộ quản lý kinh tế giỏi góp phần xứng đáng vào công cuộc đổi mới kinh tế đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam cất cánh, để từ đó nâng cao hơn nữa vị trí Việt Nam trên chiến trường quốc tế, góp phần củng cố hơn nữa sự ổn định về chính trị của đất nước. Đó là đường lối là trách nhiệm của những nhà quản lý kinh tế, chính trị của chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình triết học Mác – Lênin (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội)
- Triết học Mác – Lênin (NXB giáo dục)
- Website: <https://hotroontap.com/tieu-luan-moi-quan-he-giua-vat-chat-va-y-thuc-trong-viec-xay-dung-nen-kinh-te-moi-hien-nay-o-nuoc-ta/>
- Website: <https://tailieu.vn/doc/tieu-luan-moi-quan-he-bien-chung-giua-vat-chat-voi-y-thuc-de-qua-do-thay-duoc-y-nghia-phuong-phap-l-1285682.html>
- Website: <https://thegioiluat.vn/bai-viet-hoc-thuat/Tieu-luan--Moi-quan-he-bien-chung-giua-vat-chat-va-y-thuc-trong-nen-kinh-te-nuoc-ta-hien-nay-9351/>
- Website: <https://www.slideshare.net/thichhohap/tieu-luan-phan-tich-moi-quan-he-giua-vat-chat-va-y-thuc-van-dung-vao-viec-xay-dung-xa-hoi-chu-nghia-o-nuoc-ta>
- Website: <https://hocluat.vn/quan-diem-duy-vat-bien-chung-ve-moi-quan-he-giua-vat-chat-voi-y-thuc/>
- Website: <https://tcnn.vn/news/detail/42577/Van-dung-phep-bien-chung-duy-vat-trong-qua-trinh-xay-dung-va-thuc-hien-duong-loi-doi-moi-cua-Dang-Cong-san-Viet-Nam.html>
- Website: <http://luanvan.net.vn/luan-van/tieu-luan-nghien-cuu-moi-quan-he-giua-vat-chat-va-y-thuc-van-dung-moi-quan-he-nay-trong-cong-cuoc-doi-moi-o-nuoc-ta-72832/>
- Website: <https://luatduonggia.vn/moi-quan-he-bien-chung-giua-vat-chat-va-y-thuc-trong-nen-kinh-te-nuoc-ta-hien-nay/>

